TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/KDTM-PT
Ngày: 23 - 9 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Phong
Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Quý Chi
Ông Bùi Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Lê Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Đào Thị Tân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18, 23 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 08/2023/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa". Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST ngày 29/05/2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2023/QĐXX-PT ngày 05/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và gia công ML; Trụ sở: Số 1, ấp 1, xã BC, huyện BC, TP. Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim L - Chức vụ: Giám đốc (xin vắng mặt); Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Ngọc Kim H, sinh năm 1991; Trú tại: Số 59, đường A, HB, Phường A, Quận B, TP. Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ KN; Trụ sở: Khu phố MH, phường TT, thị xã C, tỉnh Bình Phước; Người đại diện theo pháp luật: Bà Hồ Thị T - Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt); Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Đức H1, sinh năm 1984; Trú tại: Tổ 3, khu phố PT, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bồ Thị Thu V, sinh năm 1986; Trú tại: Tổ 10, khu phố 7, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước (Xin vắng mặt).

4. Người làm chứng:

- Doanh nghiệp tư nhân ĐTL; Trụ sở: Khu phố 1, phường TT, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước (Xin vắng mặt).

- Ông Dương Đình N1, sinh năm 1971; Trú tại: Thôn 2, xã ND, thành phố QN, tỉnh QN (Có mặt).

- Ông Nguyễn Đình N2, sinh năm 1982; Trú tại: Ấp HH, xã MH, huyện DT, tỉnh Bình Dương (Có mặt).

5. Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH TMDV KN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và gia công ML trình bày:

Ngày 15/4/2021 Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và gia công ML (Doanh nghiệp ML) và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ KN (Công ty KN) có thoả thuận giao kết Hợp đồng mua bán thép xây dựng, nhãn hiệu Việt Nhật; giá trị hợp đồng là 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng), hợp đồng đã được hai bên thực hiện tương đối đầy đủ, chỉ có một đơn hàng ngày 08/11/2021 với số lượng hàng 4.346,500kg, tương ứng với số tiền 76.021.560 đồng, Công ty KN chưa giao hàng cho Doanh nghiệp ML nhưng vẫn xuất Hoá đơn giá trị gia tăng số 0004844 ngày 14/11/2021. Quá trình thực hiện hợp đồng thì toàn bộ số hàng mà hai bên đã thống nhất giao nhận xong đều được Công ty KN giao cho Doanh nghiệp ML tại kho của Doanh nghiệp tư nhân ĐTL, địa chỉ tại thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước. Khi Doanh nghiệp ML gửi phiếu bán hàng ngày 08/11/2021 cho Công ty KN và cho xe đến kho của Doanh nghiệp tư nhân ĐTL nhận hàng như thường lệ thì phía Công ty KN cố tình không giao hàng. Sau khi phát sinh tranh chấp hai bên đã thương lượng, trao đổi nhưng không có kết quả. Vì vậy, Doanh nghiệp ML khởi kiện yêu cầu Toà án buộc Công ty KN phải tiếp tục thực hiện đơn hàng theo Hoá đơn giá trị gia tăng số 0004844 ngày 14/11/2021, cụ thể: Buộc Công ty KN phải giao 4.346,500kg thép phi 8 cho Doanh nghiệp ML, tương ứng với với số tiền 76.021.560 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại dịch vụ KN trình bày:

Công ty KN thừa nhận có thoả thuận hợp đồng mua bán hàng hoá như Doanh nghiệp ML trình bày trên nhưng hợp đồng đã được các bên thực hiện xong, hai bên không còn có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến hợp đồng này, toàn bộ hàng hoá theo hợp đồng đã được Công ty KN giao đầy đủ cho Doanh nghiệp ML. Công ty KN không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp ML vì số lượng hàng hoá tại phiếu bán hàng ngày 08/11/2021 là 4.346,500kg thép phi 8, Công ty KN đã giao cho Doanh nghiệp ML vào ngày 10/11/2021 tại kho của Công ty KN - Địa chỉ: khu phố 7, thị trấn C, huyện C (nay là phường HL, thị xã C), tỉnh Bình Phước.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bồ Thị Thu V trình bày:

Bà V là nhân viên của Công ty KN, khoảng tháng 4 năm 2021 thì giữa bà V và bà Lưu Ngọc Kim H đại diện Doanh nghiệp ML có thoả thuận hợp đồng mua bán hàng hoá là thép xây dựng như Doanh nghiệp ML trình bày, giá trị của hợp đồng là 6.000.000.000 đồng, hai bên không ký hợp đồng bằng văn bản mà trao đổi bằng hình thức đặt hàng qua ứng dụng Zalo giữa bà V và bà H, việc thực hiện hợp đồng này được Giám đốc Công ty KN đồng ý. Công ty KN đã nhận đủ số tiền 6.000.000.000 đồng mà Doanh nghiệp ML chuyển thanh toán vào tài khoản của Công ty KN và được chuyển một lần. Quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên hai bên đã thực hiện xong, việc Doanh nghiệp ML khởi kiện yêu cầu Công ty KN phải giao số lượng hàng 4.346,500 kg thép phi 8 tại phiếu hàng ngày 08/11/2021 thì bà V không đồng ý vì số lượng hàng tại phiếu bán hàng này Công ty KN đã giao cho Doanh nghiệp ML vào khoảng 9 giờ sáng ngày 10/11/2021 tại kho của Công ty KN, địa chỉ: khu phố 7, thị trấn C, huyện C (nay là phường HL, thị xã C), tỉnh Bình Phước, người trực tiếp giao hàng cho Doanh nghiệp ML là ông Nguyễn Đình N2, sinh năm 1982, nhân viên kho của Công ty KN.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 29/05/2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và gia công ML.

Buộc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ KN có nghĩa vụ hoàn trả cho Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và gia công ML số tiền là 76.021.560 đồng (Bảy mươi sáu triệu không trăm hai mươi mốt ngàn năm trăm sáu mươi đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/06/2022 Công ty TNHH Thương mại dịch vụ KN có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo bị đơn. Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 29/05/2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu,chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định, có hình thức, nội dung và phạm vi kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của BLTTDS năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn công ty KN, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về việc xác định tư cách đương sự của cấp sơ thẩm: TAND thị xã C từ khi tiến hành thụ lý, hòa giải, xét xử và tuyên án đều xác định sai tư cách tố tụng của nguyên đơn: Doanh nghiệp tư nhân thương mại và gia công ML do bà Nguyễn Thị Kim L là chủ doanh nghiệp nên theo quy định tại khoản 3 điều 190 Luật Doanh nghiệp năm 2020: "*Chủ doanh nghiệp tư nhân là ..., nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước .. Tòa án*" thì bà L tham gia vụ án dân sự với tư cách là nguyên đơn nhưng TAND thị xã C xác định Doanh nghiệp tư nhân thương mại và gia công ML là vi phạm nghiêm trọng quy định khoản 2 điều 68 BLDS năm 2015.

Việc mua bán hàng hóa giữa Doanh nghiệp ML với Công Ty KN đều do bà V và bà H đứng ra đại diện giao dịch nhưng bản án sơ thẩm xác định bà V là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan còn bà H thì không tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Đồng thời việc giao nhận hàng được thực hiện giữa ông N2 với ông N1, do vậy cần xác định ông N2 và ông N1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng tòa sơ thẩm xác định người làm chứng là không đúng.

[2.2] Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc mua bán theo tập quán của các thương nhân, đúng theo quy định của luật thương mại nên nếu nguyên đơn cho rằng bị đơn vi phạm nghĩa vụ giao hàng cụ thể là nghĩa vụ giao vật 4.346,5kg thép phi 8 và nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ giao vật nhưng tại phiên tòa sơ thẩm thay đổi thành yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Hợp đồng mua bán hàng hóa cũng không có thỏa thuận nếu bên bị đơn không giao hàng thì sẽ hoàn trả tiền, điều này đã được phía nguyên đơn thừa nhận tại đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết. Đồng thời, hàng hóa mua bán không phải là vật đặc định nên nếu Tòa án cho rằng bị đơn bị phạm nghĩa vụ giao vật thì cần buộc bị đơn giao vật theo thỏa thuận, việc tuyên buộc bị đơn hoàn trả tiền là vượt quá thỏa thuận của đương sự và vượt quá yêu cầu khởi kiện.

[2.3] Nguyên đơn khởi kiện cho rằng việc giao nhận hàng được tiến hành tại DNTN ĐTL, "*khi DN ML gửi phiếu bán hàng ngày 08/11/2021 cho công ty KN và cho xe đến kho của DNTN ĐTL nhận hàng như thường lệ thì phía công ty KN cố tình không giao hàng*" nhưng tại đơn khởi kiện nguyên đơn cho rằng: "*ngày 14/11/2021 công ty Mười lợi cho xe đến địa điểm nhận hàng tại huyện C" là có sự mâu thuẫn*". Theo quy định tại điều 6, điều 91 BLTTDS năm 2015

nguyên đơn khởi kiện thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, khi khởi khởi kiện nguyên đơn trình bày như trên nhưng tòa sơ thẩm không yêu cầu cung cấp chứng cứ chứng minh, giải thích sự mâu thuẫn mà ngược lại việc nguyên đơn khai có "*đến huyện C nhận hàng*" phù hợp với lời khai bị đơn thì tình tiết này được xem là sự thật không phải chứng minh nhưng tòa sơ thẩm vẫn yêu cầu bị đơn chứng minh là vi phạm nghiêm trọng tố tụng về nghĩa vụ chứng minh.

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn liệt kê ra 8 đơn hàng hai bên đã giao nhận đủ hàng và không tranh chấp, bản án sơ thẩm nhận định có 3 trong 8 đơn hàng trên có chữ ký nhận hàng và cho rằng đơn hàng ngày 08/11/2021 không có chữ ký nhận hàng để lập luận cho rằng bị đơn chưa giao hàng là nhận định thiếu khách quan, không có cơ sở. Trong khi đó, bị đơn có đến 5 trong 8 đơn hàng không có chữ ký nhận hàng nhưng nguyên đơn đều cho rằng đã nhận đủ hàng.

[2.4] Về chứng cứ dữ liệu điện tử là thiết bị giám sát hành trình, bị đơn nghi ngờ việc nguyên đơn có tình cung cấp chứng cứ không đúng sự thật nên có yêu cầu tòa án buộc nguyên đơn cung cấp hành trình của xe 54Y-2507 cũng như các xe khác để chứng minh bên nguyên đơn "*có cho xe đến C*" nhận hàng nhưng tòa án sơ thẩm không yêu cầu nguyên đơn thực hiện, từ đó yêu cầu cơ quan giám định tính nguyên vẹn của chứng cứ mà ngược lại đưa ra lập luận thiếu khách quan cho rằng lời trình bày của bị đơn không có căn cứ. Việc sử dụng tài liệu do Công ty Ánh Dương cung cấp cho rằng dữ liệu điện tử đảm bảo tính nguyên vẹn mà không phải cơ quan giám định là vi phạm nguyên tắc thu thập, đánh giá chứng cứ.

Đơn hàng ngày 08/11/2021 và đơn hàng ngày 15/11/2021 có nội dung giống nhau chứ không phải là một đơn hàng nhưng bản án sơ thẩm nhận định "*có đủ cơ sở để xác định số lượng, chủng loại hàng tại phiếu bán hàng ngày 15/11/2021 và số lượng, chủng loại phiếu bán hàng ngày 08/11/2021 là một*" là không khách quan. Bởi lẽ đơn hàng ngày 08/11/2021 bị đơn cho rằng đã giao hàng cho nguyên đơn và nguyên đơn cũng thừa nhận có đến C để nhận hàng nhưng bị đơn từ chối giao, nhưng sau đó lại cho rằng tất cả các đơn hàng đều nhận tại Công Ty ĐTL ở ĐX tức có sự mâu thuẫn lớn, chứng cứ là dữ liệu giám sát hành trình nguyên đơn không cung cấp và tòa án không buộc nguyên đơn cung cấp để giám định tính nguyên vẹn của dữ liệu điện tử mà chỉ nhận định nguyên đơn khởi kiện có căn cứ là chưa đảm bảo tính khách quan.

Do việc mua bán giữa công ty KN và doanh nghiệp ML đều thông qua zalo giữa bà H và bà V mà không có hợp đồng ký kết giữa hai bên, do vậy cách thức mua hàng, báo giá và quy trình nhận hàng đều qua thỏa thuận tin nhắn zalo giữa bà H với bà V. Tuy nhiên tin nhắn zalo giữa hai bà có sự mẫu thuẫn và chưa thống nhất về nội dung. Cấp sơ thẩm chưa tiến hành đối chất giữa bà H và bà V để làm rõ nội dung liên quan đến thỏa thuận cách thức mua hàng, báo giá và quy trình nhận hàng quy định thế nào để làm căn cứ giải quyết vụ án là thiếu sót.

Đồng thời, theo quy định tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng, tuy nhiên Cấp sơ thẩm thu tiền tạm ứng của người kháng cáo là 300.000 đồng. Do vậy, Cấp sơ thẩm sai sót trong việc thu tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, việc xác minh, thu thập chứng cứ và giải quyết vụ án không đầy đủ dẫn đến việc giải quyết vụ án không triệt để, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được vì vậy cần hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên kháng cáo của bị đơn Công ty KN được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng sẽ được xử lý khi vụ án được giải quyết lại.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn Công ty KN được chấp nhận nên Công ty KN không phải chịu.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Thương mại dịch vụ KN.

Hủy Bản án kinh doanh thương mại số 05/2023/KDTM-ST ngày 29/05/2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo quy định chung.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng sẽ được xử lý khi vụ án được giải quyết lại.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Công ty TNHH Thương mại dịch vụ KN không phải chịu, được hoàn trả 300.000 (ba trăm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012417 ngày 18/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Tx. C;
- TAND Tx. C;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Phong